TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐĂK LĂK** Bản án số: 40/2023/HNGĐ – ST Ngày 30/5/2023. V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Ngô Văn Tuyển.

2.Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hải Lý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 475/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 17/5/2023, giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Ông Lê Xuân V, sinh năm 1972 –Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.Bị đơn: Bà Dương Thị Bích T, sinh năm 1970 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn ông Lê Xuân V trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, tôi và bà Dương Thị Bích T kết hôn và đã được UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2006 ngày 24/05/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi sống với nhau hạnh phúc nhưng những năm gần đây chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng.

Vì vậy từ năm 2018 đến nay, chúng tôi đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên tôi đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xem xét, giải quyết cho tôi và bà Dương Thị Bích T được ly hôn.

-Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013. Cháu Lê Thị Thục U và cháu Lê Bách V có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Dương Thị Bích T nên tôi đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng và chăm sóc.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi (Lê Xuân V) có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 2.500.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Trong bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn, bà Dương Thị Bích T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Xuân V kết hôn và được UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2006 ngày 24/05/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, sinh được 02 con chung thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì vậy từ năm 2020 đến nay, chúng tôi đã sống ly thân với nhau. Nay ông V làm đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý, do con cái còn nhỏ nên tôi không muốn làm tổn thương các con, bên cạnh đó hiện nay việc trông chấp về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề liên quan khác đến nợ và tài sản phát sinh từ khi chúng tôi còn chung sống chưa được giải quyết một cách rõ ràng, vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xem xét, giải quyết bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Xuân V.

-Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013. Các cháu Lê Thị Thục U và cháu Lê Bách V hiện nay đang ở với mẹ. Do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Vì tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Vì tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Lê Xuân V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với bà Dương Thị Bích T, giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng và chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, đồng thời không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Dương Thị Bích T không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn, con chung và cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân V.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Xuân V được ly hôn với bà Dương Thị Bích T.

-Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013 cho bà Dương Thị Bích T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Xuân V về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 02 cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013 số tiền là 2.500.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các cháu tròn đủ 18 tuổi.

- Đối với tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Xuân V không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Bích T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/05/2006, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và

cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bà Dương Thị Bích T không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, con chung, tuy nhiên đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Bích T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tại phiên toà ông V xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, bà T không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân và con chung nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về tài sản chung. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chung sống thì xác định được, vợ chồng ông V, bà T đã sống ly thân một thời gian, hiện nay không còn sống cùng nhà nữa. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Bích T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân V, cho ông Lê Xuân V được ly hôn với bà Dương Thị Bích T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông V, bà T có 02 con chung là cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013, hiện nay các cháu đang sống cùng mẹ, ông V có nguyện vọng giao cả 02 con cho bà T nuôi dưỡng do các con đang sống cùng mẹ, bà T cũng không có ý kiến gì. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án cháu U và cháu Vt đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của ông V là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung cho bà Dương Thị Bích T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông V được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông Lê Xuân V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng/con, tại phiên toà bà T không có ý kiến gì. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông V, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Lê Xuân V không yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

Tại phiên toà, bị đơn bà Dương Thị Bích T yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị Bích T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung, tuy nhiên bà T đã không thực hiện việc đóng tạm ứng án phí theo quy định nên Toà án trả lại đơn khởi kiện, bà cũng không có ý kiến gì, như vậy là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy ý kiến của bà T tại phiên tòa hôm nay là không có căn cứ để xem xét, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Lê Xuân V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Xuân V được ly hôn với bà Dương Thị Bích T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thục U, sinh ngày 20/04/2006 và cháu Lê Bách V, sinh ngày 19/03/2013 cho bà Dương Thị Bích T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Xuân V được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lê Xuân V về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/tháng/con, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Xuân V không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Xuân V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 60AA/2019/0016558 ngày 26/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Xuân V phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện K;
-Chi cục THADS huyện K;
-UBND xã E, huyện K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

H’ Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Oông **Ngô Văn Tuyển** **H'Năm Bkrông**

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

H’ Năm Bkrông